

Số: 74 /BCTN-TP

Đức An, ngày 07 tháng 10 năm 2026

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm: 2026

(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Trường THCS Trần Phú đã thực hiện nghiêm túc các nội dung theo yêu cầu và có Báo cáo như sau:

A. BÁO CÁO CÔNG KHAI THƯỜNG NIÊN

I. Thông tin chung

1. Tên cơ sở giáo dục (bao gồm tên bằng tiếng nước ngoài, nếu có)

Tên trường: Trường THCS Trần Phú, xã Đức An, tỉnh Lâm Đồng.

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử).

Trụ sở chính: Thôn 10 xã Đức An, tỉnh Lâm Đồng.

Điện thoại: 0914117555

Website: <http://c2tranphu.pgddaksong.edu.vn>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu; tên nhà đầu tư thành lập cơ sở giáo dục, thuộc quốc gia/ vùng lãnh thổ (đối với cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài); danh sách tổ chức và cá nhân góp vốn đầu tư (nếu có)

Loại hình: Công lập

Cơ quan chủ quản: UBND xã Đức An, tỉnh Lâm Đồng.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

Sứ mạng nhà trường: Xây dựng môi trường học tập có nề nếp, kỷ cương, chất lượng cao để mỗi học sinh có cơ hội phát triển năng lực và sự sáng tạo.

Tầm nhìn: Xây dựng một trong những trường đạt chất lượng tốt. Nơi giáo viên và học sinh luôn có khát vọng vươn lên, góp phần xây dựng quê hương giàu đẹp.

Mục tiêu: Chất lượng giáo dục là uy tín, danh dự của nhà trường.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Trải qua hơn 20 năm hình thành và phát triển, trường THCS Trần Phú đã khẳng định được chức năng, nhiệm vụ, chất lượng giáo dục của nhà trường ngày được ổn định, giữ vững và nâng lên, năm sau cao hơn năm trước. Tỷ lệ học sinh đạt danh hiệu học sinh giỏi ngày càng tăng mạnh cả về số lượng và chất lượng. Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường hàng năm và giai đoạn 2020 - 2025 tầm nhìn 2030 nhằm

xác định rõ định hướng, mục tiêu chiến lược và các giải pháp cơ bản trong quá trình vận động xây dựng và phát triển của nhà trường đồng thời đây cũng là cơ sở quan trọng cho các quyết sách của Hiệu trưởng, lãnh đạo nhà trường, các tổ chức đoàn thể và tập thể cán bộ giáo viên, nhân viên, học sinh và phụ huynh học sinh nhà trường.

Cơ sở vật chất của nhà trường đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu. Phòng học, phòng chức năng phòng bộ môn với trang thiết bị cơ bản đảm bảo với công tác dạy và học. Khu vui chơi, đáp ứng việc phục vụ cho các hoạt động giáo dục của nhà trường, nhìn chung cơ bản đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay. Nhà trường chú trọng phong trào Sáng - Xanh - Sạch - Đẹp – An toàn.

Tổng diện tích 7576m² (*Bảy ngàn năm trăm bảy mươi sáu mét vuông*). Trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1 từ tháng 5/2025 theo Quyết định số 777/QĐ-SGDĐT, ngày 21/5/2025.

Năm học 2026 - 2027, trường có 24 lớp với 1028 học sinh; có 49 cán bộ, giáo viên, nhân viên, NLĐ (trong đó có 03 hợp đồng theo NĐ 235 (01 bảo vệ và 02 giáo viên).

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử

Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ: Bà Trần Thị Thanh

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Thôn 10 xã Đức An, tỉnh Lâm Đồng.

Điện thoại: 0914117555

Gmail: tranthanhpqd.daksong@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có);

Trường THCS Trần Phú được thành lập theo Quyết định số 1869/QĐ-UBND, ngày 11 tháng 10 năm 2005 của UBND huyện Đắk Song; ngày 13/12/2019 UBND huyện Đắk Song ban hành Quyết định số 1779/QĐ-UBND về việc sáp nhập trường trung học cơ sở Nguyễn Công Trứ và trường trung học cơ sở Trần Phú để thành lập trường trung học cơ sở Trần Phú xã Nam Bình huyện Đắk Song tỉnh Đắk Nông.

b) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục:

1. Hiệu trưởng: Trần Thị Thanh

Ngày tháng năm sinh: 05/5/1975

Bổ nhiệm giữ chức vụ Hiệu trưởng trường THCS Trần Phú từ ngày 02/3/2025 theo Quyết định số 486/QĐ-UBND, ngày 20/8/2025 của UBND xã Đức An về việc

bổ nhiệm viên chức.

Thời gian làm Hiệu trưởng tại đơn vị đến nay được 7 năm 6 tháng.

2. Phó hiệu trưởng:

2.1. Lê Văn Lập

Ngày tháng năm sinh: 06/3/1981

Bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng trường THCS Trần Phú từ ngày 01/01/2026 theo Quyết định số 2077/QĐ-UBND, ngày 17/12/2025 của UBND xã Đức An về việc điều động và bổ nhiệm đối với viên chức.

Thời gian làm Phó Hiệu trưởng tại đơn vị đến nay được 9 tháng.

2.2. Phạm Văn Quang

Ngày tháng năm sinh: 08/10/1979

Bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng trường THCS Trần Phú từ ngày 02/3/2025 theo Quyết định số 489/QĐ-UBND, ngày 20/8/2025 của UBND xã Đức An về việc bổ nhiệm viên chức.

Thời gian làm Phó Hiệu trưởng tại đơn vị đến nay được 6 năm 7 tháng.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

Nhà trường ban hành đầy đủ các Quyết định trong năm học 2026-2027 như: Quyết định ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường năm học 2026-2027; Quyết định thành lập tổ; Quyết định tổ trưởng, tổ phó các tổ; Quyết định Hội đồng thi đua, khen thưởng; Quyết định phân công kiêm nhiệm và chuyên môn; Quyết định phân chủ nhiệm lớp; Quyết định kiểm tra nội bộ trường học

đ) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có)

Quyết định số 1779/QĐ-UBND về việc sáp nhập trường trung học cơ sở Nguyễn Công Trứ và trường trung học cơ sở Trần Phú để thành lập trường trung học cơ sở Trần Phú xã Nam Bình huyện Đắc Song tỉnh Đắc Nông với 02 điểm trường, điểm Trung tâm tại thôn 10 và điểm trường lẻ tại thôn 7. Bắt đầu từ năm học 2025-2026 nhà trường chỉ tập trung hoạt động tại thôn 10, bàn giao cơ sở vật chất tại thôn 7 về trường TH Tô Hiệu sử dụng và quản lý.

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo đơn vị, trực thuộc, thành viên của cơ sở giáo dục

1. Hiệu trưởng: Bà Trần Thị Thanh

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Thôn 10 xã Đức An, tỉnh Lâm Đồng.

Điện thoại: 0914117555

Gmail: tranthanhpgd.daksong@gmail.com

Nhiệm vụ, trách nhiệm: Thực hiện theo Điều 10 của Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 3 năm 2026 của Bộ giáo dục và Đào tạo Ban hành Điều lệ trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; Quyết định số 60/QĐ-TP, ngày 25/9/2026 của trường THCS Trần Phú về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường năm học 2026-2027.

2. Phó Hiệu trưởng

2.1. Ông: Lê Văn Lập

Chức vụ: Phó Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Thôn 10 xã Đức An, tỉnh Lâm Đồng.

Điện thoại: 0386885884

Gmail: lelap060381@gmail.com

Nhiệm vụ, trách nhiệm: Thực hiện theo Điều 10 của Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 3 năm 2026 của Bộ giáo dục và Đào tạo Ban hành Điều lệ trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; Quyết định số 60/QĐ-TP, ngày 25/9/2026 của trường THCS Trần Phú về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường năm học 2026-2027.

2.2. Ông: Phạm Văn Quang

Chức vụ: Phó Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Thôn 10 xã Đức An, tỉnh Lâm Đồng.

Điện thoại: 0932584333

Gmail: haoquang1979@gmail.com

Nhiệm vụ, trách nhiệm: Thực hiện theo Điều 10 của Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 3 năm 2026 của Bộ giáo dục và Đào tạo Ban hành Điều lệ trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; Quyết định số 60/QĐ-TP, ngày 25/9/2026 của trường THCS Trần Phú về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường năm học 2026-2027.

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của các tổ chức trong nhà trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

Nhà trường có đầy đủ các văn bản theo quy định: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của các tổ chức trong nhà trường.

II. ĐỘI NGŮ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên năm học 2026 - 2027

a) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ đào tạo:

TT	Tổ	Số lượng		Đăng viên	Biên chế	Hợp đồng	Trình độ chuyên môn			
		T. số	Nữ				>ĐH	ĐH	CĐ	Khác
1	Toán – Tin	09	05	05	09	0	01	08	0	0
2	Xã hội	12	9	11	11	01	0	12	0	0
3	Khoa học tự nhiên - CN	11	08	09	11	0	0	11	0	0
4	Ngoại ngữ - Năng khiếu	12	07	06	11	01	0	12	0	0
5	Văn phòng	05	03	04	04	01	0	03	0	02
	Cộng	49	32	35	46	03	01	46	0	02

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	46	0	01	43	0	02	0	20	21	01	42	0	0	0
I	Giáo viên	39	0	01	38	0	0	0	20	19	0	39	0	0	0
	Trong đó số giáo viên dạy môn:														
1	Toán	8	0	1	7	0	0	0	7	1	0	8	0	0	0
2	Lý	3	0	0	3	0	0	0	2	1	0	3	0	0	0
3	Hóa	3	0	0	3	0	0	0	1	2	0	3	0	0	0
4	Sinh	3	0	0	3	0	0	0	2	1	0	3	0	0	0
6	Văn	4	0	0	4	0	0	0	1	3	0	4	0	0	0
7	Ngoại ngữ	4	0	0	4	0	0	0	2	2	0	4	0	0	0
8	Công nghệ	1	0	0	1	0	0	0	0	1	0	1	0	0	0
9	Thể dục	3	0	0	3	0	0	0	1	2	0	3	0	0	0
10	TPT Đội	1	0	0	1	0	0	0	1	0	0	1	0	0	0
11	Nhạc	2	0	0	2	0	0	0	2	0	0	2	0	0	0
12	Mĩ thuật	2	0	0	2	0	0	0	0	2	0	2	0	0	0
13	Tin học	1	0	0	1	0	0	0	0	1	0	1	0	0	0
14	Sử	2	0	0	2	0	0	0	0	2	0	2	0	0	0

15	Địa	1	0	0	1	0	0	0	0	1	0	1	0	0	0
16	GD CD	1	0	0	1	0	0	0	1	0	0	1	0	0	0
II	Cán bộ quản lý	3			3					2	1	3			
1	Hiệu trưởng	01			1						1	1			
2	Phó hiệu trưởng	02			2					2		2			
III	Nhân viên	5			3		2								
1	Nhân viên văn thư	0													
2	Nhân viên kế toán	1			1										
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế	1					1		Hạng IV						
5	Nhân viên thư viện	1			1				Hạng IV						
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1			1				Hạng IV						
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0													
8	Nhân viên công nghệ thông tin	0													
9	Bảo vệ	1					1								

b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp hàng năm

STT	Môn	Tổng số	Trình độ		Độ tuổi				Thừa	Thiếu	Ghi chú (GV Đang học ĐH)
			Chuẩn, trên chuẩn	Chưa đạt chuẩn	Dưới 30	30 đến 40	40 đến 50	50 đến 60			
Quản lý		03	03	0	0	0	03	0	0	0	0
Nhân viên		04	04	0	0	02	01	01	0	01 (Văn thư); 01 Tư vấn tâm lý.	

Giáo viên		39	39	0	1	14	22	2	0	Thiếu 08 GV theo TT 20 Bộ GD& ĐT: 03 GV Ngữ văn; 03 GV Lịch sử và Địa lí; 01 GV Tiếng Anh; 01 Giáo dục địa phươn g.	
1	Toán	8	8	0	0	5	2	1	0	0	
2	Lý	3	3	0	1	0	2	0	0	0	
3	Hóa	3	3	0	0	3	0	0	0	0	
4	Sinh	3	3	0	0	1	2	0	0	0	
5	Văn	4	4	0	0	1	3	0	0	3	
6	Sử	2	2	0	0	0	2	0	0	1	
7	Địa	1	1	0	0	0	1	0	0	2	
8	CN	1	1	0	0	0	1	0	0	0	
8	GDC D	1	1	0	0	1	0	0	0	0	
10	Anh	4	4	0	0	2	2	0	0	1	
11	TD	3	3	0	0	0	3	3	0	0	
12	Nhạc	2	2	0	0	0	2	0	0	0	
13	MT	2	2	0	0	1	1	0	0	0	
14	Tin	1	1	0	0	0	1	0	0	0	
15	Đội	1	1	0	0	1	0	0	0	0	
16	GĐĐ P	0	0	0	0	0	0	0	0	1	
Cộng		39	39	0	1	16	20	4	0	8	

c) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định: Hàng năm 100% giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên tham gia đầy đủ công tác bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ cũng như học chính trị hệ và các đợt do cấp trên tổ chức.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Nội dung	Số lượng	Bình
-----	----------	----------	------

			quân
I	Số phòng học	12	
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	12	
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm		
4	Phòng học nhờ		
5	Số phòng học bộ môn	01 phòng tin; 01 phòng thực hành.	
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)		
7	Bình quân lớp/phòng học		
8	Bình quân học sinh/lớp		
III	Số điểm trường	1	
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	7.575,8m ²	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)		
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	11	385m ²
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	3	216m ²
3	Diện tích phòng chuẩn bị (m ²)		
3	Diện tích thư viện (m ²)	1	80m ²
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	320 m ²	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	1	20m ²
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp:6	2	
1.2	Khối lớp:7	2	
1.3	Khối lớp:8	1	
1.4	Khối lớp:9	1	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối		

	thiếu còn thiếu so với quy định					
2.1	Khối lớp:6	1				
2.2	Khối lớp:7	1				
2.3	Khối lớp:8	3				
2.4	Khối lớp:9	3				
2.5	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)					
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	61(43 máy tính, 18 laptop)				
IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng					
1	Ti vi	23				
2	Cát xét					
3	Đầu Video/đầu đĩa					
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể					
XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh	Số m²/học sinh		
			Nam	Nữ	Nam	Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	X	x	x	Diện tích nhà vệ sinh 12,75m²	Diện tích nhà vệ sinh 12,75m²
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet (ADSL)	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	Website: http://c2tranphu.pgddaksong.edu.vn	
XIX	Tường rào xây	x	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Trường THCS Trần Phú đã nhận thức đúng đắn tầm quan trọng về mục đích kiểm định chất lượng. Trong đó, tự đánh giá chất lượng giáo dục nhà trường là tự xem xét, tự kiểm tra, chỉ ra các điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chí, xây dựng kế

hoạch cải tiến chất lượng và các biện pháp thực hiện, để đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, thường xuyên cải tiến nâng cao chất lượng giáo dục. Nhà trường đã tự đánh giá chất lượng giáo dục, để xác định rõ trường đã đạt được ở cấp độ nào, từ đó đăng kí kiểm định chất lượng với cấp trên, để được công nhận Chất lượng giáo dục cấp độ 2 và trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1, giúp nhà trường tiếp tục duy trì và phát huy hơn nữa chất lượng giáo dục toàn diện.

Từng năm học, nhà trường đã nghiêm túc thực hiện quá trình tự đánh giá và nộp báo cáo tự đánh giá cấp trên; Đồng thời thấy được ý nghĩa thiết thực của công việc tự đánh giá đã giúp nhà trường nhận ra được những điểm mạnh, điểm yếu để từ đó đề ra những giải pháp cải tiến chất lượng mang tính khả thi. Công việc tự đánh giá đã có tác động tích cực trong việc nâng cao chất lượng và hiệu quả các hoạt động giáo dục của nhà trường trong những năm gần đây.

Trường THCS Trần Phú đã tiến hành tự đánh giá theo đúng quy trình tự đánh giá:

1. Thành lập hội đồng tự đánh giá.
2. Xây dựng mục đích, phạm vi tự đánh giá.
3. Xây dựng kế hoạch tự đánh giá.
4. Thu thập, xử lý và phân tích các thông tin, minh chứng.
5. Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí.
6. Viết báo cáo tự đánh giá.
7. Công bố báo cáo tự đánh giá.

Nhà trường đã thành lập hội đồng tự đánh giá và tổ thư kí tổng hợp gồm 21 thành viên với đầy đủ các thành phần: Cấp uỷ Chi bộ, BGH, Bí thư đoàn trường, các tổ trưởng chuyên môn, các đồng chí CB, GV, NV phụ trách các hoạt động giáo dục có liên quan.

* Kết quả của quá trình tự đánh giá:

Thực hiện tự đánh giá, nhà trường đã nhận thấy điểm mạnh, điểm yếu, từ đó đề ra được kế hoạch cải tiến chất lượng để phát huy điểm mạnh và khắc phục điểm yếu. Kỷ cương nề nếp được giữ vững, công tác quản lý được đổi mới và việc đánh giá chất lượng giáo dục nhà trường theo đúng quy định.

Tự đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường đạt cấp độ 2 và đạt trường chuẩn Quốc gia mức độ 1 và được công nhận trường đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1 từ tháng 5/2025.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục năm học

a) Nhà trường ban hành kế hoạch tuyển sinh trong tháng 6 hàng năm.

b) Xây dựng Kế hoạch giáo dục phù hợp với đặc điểm, tình hình của đơn vị và được lấy ý kiến rộng rãi trong nhà trường.

c) Có các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho toàn thể học sinh trong toàn trường phù hợp với từng khối lớp do Đoàn Thanh niên và Đội thiếu niên tổ chức và phát động.

2. Thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở Trần Phú năm học 2026 – 2027

a) Tổng số học sinh năm học 2026-2027

STT	Khối	Số lớp	Số học sinh	Nữ	HS dân tộc	HS nữ dân tộc	Ghi chú
1	6	6	264	139	6	3	
2	7	6	247	123	10	4	
3	8	6	247	119	7	2	
4	9	6	270	132	7	3	
Tổng		24	1028	513	30	12	

b) Kết quả đánh giá học sinh năm học 2025-2026

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	952	235	248	266	203
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	898/952 (94,33%)	225/235 (95,74%)	233/248 (93,95%)	244/266 (91,73%)	196/203 (96,55%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	54/952 (5,67%)	10/235 (4,26%)	15/248 (6,05%)	22/266 (8,27%)	7/203 (3,45%)
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	952	235	248	266	203

1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	262/952 (27,52%)	52/235 (22,13%)	77/248 (31,05%)	61/266 (22,93%)	72/203 (35,47%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	397/952 (41,70%)	103/235 (43,83%)	98/248 (39,52%)	105/266 (39,47%)	91/203 (44,83%)
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	284/952 (29,83%)	78/235 (33,19%)	71/248 (28,63 %)	95/266 (35,71%)	40/203 (19,70%)
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	9/952 (0,95%)	2/235 (0,85%)	2/248 (0,81%)	5/266 (1,88%)	0
III Tổng hợp kết quả cuối năm						
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	952/952 (100%)	235/235 (100%)	248/248 (100%)	266/266 (100%)	203/203 (100%)
A	Học sinh Tốt, Xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	262/952 (27,52%)	52/235 (22,13%)	77/248 (31,05%)	61/266 (22,93%)	72/203 (35,47%)
B	Học sinh Khá (tỷ lệ so với tổng số)	397/952 (41,70%)	103/235 (43,83%)	98/248 (39,52%)	105/266 (39,47%)	91/203 (44,83%)
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	9/952 (0,95%)	2/235 (0,85%)	2/248 (0,81%)	5/266 (1,88%)	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	21/44	2/5	4/18	9/14	6/7
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	6/952 (0,6%)	0	2/248 (0,8%)	3/266 (1,1%)	1/203 (0,4%)
IV Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi						
1	Giải Đại hội TDTT cấp cụm	3	0	0	1	2
2	Thi tìm hiểu chính sách BHXH cấp tỉnh	1	0	1	0	0
3	Khoa học kĩ thuật sáng tạo cấp xã	01	0	0	0	01 sản phẩm
4	Chỉ huy liên đội Giỏi cấp tỉnh	01	0	0	0	01
5	Sáng kiến bảo đảm trật tự trường học về phòng chống bạo lực học đường cấp xã	04	1	2	1	0
V Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt		203				203

	ng nghiệp					
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	203/203 (100%)				203/203 (100%)
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	72/203 (35,47%)				72/203 (35,47%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	91/203 (44,83%)				91/203 (44,83%)
3	Đạt (Tỷ lệ so với tổng số)	40/203 (19,70%)				40/203 (19,70%)
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)	0				0
VII I	Số học sinh nam/số học sinh nữ	474/478	117/118	133/115	133/133	91/112
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	31	9	8	8	6

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

Các khoản trong và ngoài ngân sách: Công khai tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân và các văn bản hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ. Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về công khai quản lý tài chính.

a) Trong ngân sách:

- Dự toán giao đầu năm 2026

+ Kinh phí thường xuyên: 11.581.000.000 đồng trong đó, kinh phí chi lương và các khoản phụ cấp theo lương biên chế: 10.272.000.000 đồng; Kinh phí chi thường xuyên, chi lương hợp đồng bảo vệ : 1.237.000 đồng (Quyết định giao dự toán số 2365/QĐ - UBND ngày 30/12/2025 của Ủy ban Nhân dân xã Đức An).

+ KP Chi lương hợp đồng bảo vệ năm 2026: 72.000.000 đồng. Quyết định giao dự toán số 2365/QĐ - UBND ngày 30/12/2025 của Ủy ban Nhân dân xã Đức An).

+ Kinh phí không thường xuyên: 113.000.000 đồng trong đó; Kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp (nhóm 4) thuộc đơn vị sự nghiệp giao dục theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP : 96.000.000 đồng

- Dự toán bổ sung trong năm 2026:

+ Kinh phí 427.946.000 đồng (Quyết định bổ sung dự toán số 1706/QĐ-UBND ngày 23/07/2026 của Ủy ban Nhân dân xã Đức An. Về việc bổ sung dự toán ngân sách năm 2026 cho các cơ quan, đơn vị để thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định 161/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026)

+ Kinh phí 37.180.000 đồng (Quyết định bổ sung dự toán số 1763/QĐ-UBND ngày 04/08/2026 của Ủy ban Nhân dân xã Đức An. Về việc bổ sung dự toán ngân sách năm 2026 cho các cơ quan, đơn vị (Về kinh phí hợp đồng giáo viên)

b. Ngoài ngân sách năm học 2026 - 2027:

- Các khoản thu theo quy định:

+ Tiền Bảo hiểm y tế: Mức thu 12 tháng: Từ 01/01/2027 đến ngày 31/12/2027: 615.000 đồng/hs.

- Các khoản thỏa thuận với phụ huynh (phục vụ nhu cầu trực tiếp cho học sinh theo nhu cầu):

+ Ứng dụng kết nối gia đình nhà trường vnEdu Connect (Ứng dụng nhằm tạo kênh giao tiếp trực tuyến hai chiều giữa gia đình và nhà trường...): 70.000 đồng/học sinh/năm học.

+ Vệ sinh phục vụ cho học sinh theo nhu cầu: 20.000 đồng/tháng.

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

Học sinh đạt được kết quả:

1. Các cuộc thi trên mạng: 01 học sinh đạt huy chương Đồng cấp quốc gia. 47 học sinh đạt cấp tỉnh (2 huy chương Vàng, 7 huy chương Bạc, 16 huy chương Đồng, 22 đạt Khuyến khích).

2. 01 học sinh đạt Giải Nhì phần thi thuyết trình và Giải Khuyến khích chỉ huy Đội Giải cấp tỉnh.

3. 01 học sinh đạt Giải Bạc cấp tỉnh tham gia thi tìm hiểu chính sách Bảo hiểm xã hội, BHYT năm 2025 của tỉnh Lâm Đồng.

4. 20 học sinh đạt giải cấp xã: Cuộc thi Sáng kiến bảo đảm trật tự trường học về phòng chống bạo lực học đường và Đại hội Thể dục thể thao cấp xã.

5. 01 sản phẩm với 02 học sinh tham gia cuộc thi Khoa học sáng tạo cấp xã.

6. Tham gia cuộc thi Olympic Trường Xuân lần thứ I – năm 2026 do trường Chuyên Nguyễn Chí Thanh tỉnh Lâm Đồng tổ chức: Đạt 16 huy chương, trong đó 06 huy chương Vàng; 06 huy chương Bạc và 04 huy chương Đồng.

7. Tốt nghiệp lớp 9 đạt 100%.

VIII. CÁC CHỈ TIÊU NĂM HỌC 2026 - 2027

1. Về học sinh

- Tham gia đầy đủ và đạt giải cấp xã và cấp tỉnh các cuộc thi, hội thi và các phong trào do cấp trên tổ chức, phát động.

- Tham gia cuộc thi KHKT và cuộc thi sáng tạo dành cho thanh thiếu niên, nhi đồng: ít nhất 02 sản phẩm dự thi cấp xã trở lên.

- Chất lượng hai mặt giáo dục:

+ Học tập: xếp loại Khá, Tốt trên 50%; xếp loại Chưa đạt khi chưa thi lại dưới 2%; còn lại xếp loại Đạt.

+ Rèn luyện: xếp loại Khá, Tốt trên 95% ; không có học sinh xếp loại Chưa đạt.

- Tỷ lệ tốt nghiệp khối 9: 100%.

- Hạn chế thấp nhất tỷ lệ học sinh bỏ học dưới 1%.

- 100% học sinh trong độ tuổi đến trường, giữ vững kết quả phổ cập giáo dục THCS đạt 98% dân số trong độ tuổi.

- Tỷ lệ học sinh tham gia bảo hiểm y tế đạt 100%.

2. Đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên

- 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên và người lao động thực hiện nghiêm túc Nội quy, quy chế của nhà trường của chuyên môn.

- Xếp loại cuối năm: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ không quá 20%; còn lại hoàn thành tốt nhiệm vụ; hạn chế thấp nhất Hoàn thành nhiệm vụ.

- Chiến sĩ thi đua cơ sở không quá 10%.

- Lao động tiên tiến 70% trở lên.

- Tham gia đầy đủ các phong trào, hội thi do cấp trên phát động.

3. Đối với các tổ chức, đoàn thể

- Chi đoàn: Xuất sắc

- Liên đội: Xuất sắc

- Tập thể nhà trường: Duy trì trường đạt chuẩn quốc gia; Hoàn thành tốt nhiệm vụ; đạt Lao động tiên tiến.

4. Cơ sở vật chất

- Bảo quản, sử dụng tốt CSVC hiện có; duy tu, bảo dưỡng, sửa máy tính, hệ thống điện, quạt, bóng đèn, bàn ghế cho học sinh ở các phòng học.

- Dự kiến sau kết thúc học kỳ I năm học 2026-2027, nhà trường kêu gọi mạnh thường quân cùng nhà trường làm một trong những nội dung sau: khoảng 500m² hệ thống vòm sân trường; sửa khuôn viên trước cổng trường; sân cỏ nhân tạo khu giáo dục thể chất.

Trên đây là Báo cáo thường niên năm 2026 của trường THCS Trần Phú, Báo cáo đã được lấy ý kiến rộng rãi công khai đối với tất cả thành viên trong đơn vị và trong Hội nghị cán bộ, viên chức và người lao động năm học 2026-2027 ngày 03 tháng 10 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Trang Website nhà trường;
- Các thành viên đơn vị;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Trần Thị Thanh